

Bản án số: 148/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13-11-2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thản

2. Ông Nguyễn Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 573/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Họa M, sinh năm: 1980

- Bị đơn: Anh Lê Nhất L, sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ 4, ấp 4, xã B, huyện G, tỉnh T;

Cùng tạm trú: Tổ 7, ấp 1, xã B, huyện G, tỉnh T.

Chị M và anh L đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-7-2019, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Họa M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Nhất L chung sống với nhau từ năm 1999, có qua tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện. Chị và anh L không có tổ chức lễ cưới nhưng anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh năm 2002.

Sau khi về chung sống, anh chị sống chung với cha mẹ chồng, sau đó anh chị được cha mẹ cho 01 phần đất nên anh chị cất nhà và ra riêng. Do thiếu nợ

nên anh chị đã bán nhà đất để trả nợ, không còn nhà để ở nên anh chị về sống chung với cha mẹ ruột chị từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian chung sống, chị và anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L thường xuyên uống rượu, mỗi lần nhậu say anh đều kiếm chuyện chửi mắng và đánh chị. Trước đây, chị và anh L đã từng sống ly thân một thời gian, nhưng anh L năn nỉ và hứa bỏ rượu nên chị đồng ý về đoàn tụ. Chị đã khuyên anh L nhiều lần nhưng anh L vẫn không bỏ được tật xấu nên anh chị thường xuyên cãi nhau. Tháng 7-2019, anh L tiếp tục say sưa và đánh chị nên anh chị sống ly thân cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh L.

Về nuôi con: Anh chị có 01 người con chung tên Lê Di Đ, sinh năm 2000, hiện cháu Đ đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh L chung sống không có tài sản chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Nhất L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nộp cho Tòa án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng, chị M đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh L; về con chung: Anh chị có 01 người con chung tên Lê Di Đ, sinh năm 2000. Hiện cháu Đ đã thành niên, có khả năng lao động tự sinh sống được và chị M cũng không yêu cầu nên không giải quyết; về tài sản chung: Chị M không yêu cầu nên không giải quyết; về nợ chung: Chị M khai không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Nhất L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hòa M có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Nguyễn Thị Hòa M và anh Lê Nhất L

là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị M thì anh chị thường xuyên cãi nhau do anh L thường xuyên uống rượu, mỗi lần nhậu say anh L đều kiểm chuyện chửi mắng và đánh chị M. Chị M đã nhiều lần khuyên anh L khắc phục khuyết điểm nhưng anh L vẫn không bỏ được tính xấu. Anh chị đã ly thân từ tháng 7-2019 cho đến nay. Còn anh L, mặc dù đã được Tòa án triệu tập để thu thập chứng cứ, tham gia hòa giải và xét xử nhưng anh L vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị M và cũng không thể hiện thiện chí để đoàn tụ.

[3] Qua xác minh ông Võ Văn N là Công an viên phụ trách ấp 1 nơi chị M và anh L sinh sống thể hiện: trong thời gian chị M và anh L sinh sống tại địa phương, ông nhận được thông tin anh L thường xuyên chửi mắng và đánh chị M, nhiều lần chị M bị thương tích nhẹ trên mặt. Từ các chứng cứ trên cho thấy, mâu thuẫn giữa anh chị trở nên trầm trọng, chị M cũng thừa nhận không còn tình cảm với anh L và anh L cũng không có thiện chí hàn gắn nên mục đích hôn nhân không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về nuôi con*: Anh chị có 01 người con chung là Lê Di Đ, sinh năm 2000. Hiện anh Đ đã thành niên, có khả năng lao động tự sinh sống được và chị M cũng không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Chị M phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Họa M đối với anh Lê Chí L. Chị Nguyễn Thị Họa M được ly hôn với anh Lê Chí L.

2. Về nuôi con: Anh chị có 01 người con chung là Lê Di Đ, sinh năm 2000 đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được. Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị M phải chịu 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Mi đã nộp theo biên lai thu số **0009514 ngày 29-7-2019** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã Bàu Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯỜNG